|  |  |
| --- | --- |
| BỘ TÀI CHÍNH  **CỤC THỐNG KÊ**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số: 292/BC-CTK | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2025* |

**BÁO CÁO**

**TÌNH HÌNH KINH TẾ** - **XÃ HỘI   
THÁNG TÁM VÀ 8 THÁNG NĂM 2025**

**1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản**

*Trong tháng Tám, sản xuất nông nghiệp tập trung vào gieo cấy, chăm sóc lúa mùa, thu hoạch vụ hè thu và gieo sạ lúa thu đông ở Đồng bằng sông Cửu Long. Chăn nuôi gia cầm phát triển ổn định; chăn nuôi lợn tiếp tục gặp khó khăn do dịch tả lợn châu Phi diễn biến phức tạp. Sản xuất lâm nghiệp chủ yếu tập trung vào trồng rừng, khai thác gỗ theo kế hoạch. Nuôi trồng thủy sản duy trì ổn định, các cơ sở tăng cường ứng dụng công nghệ cao, phát triển mô hình nuôi siêu thâm canh, thâm canh mang lại hiệu quả kinh tế cao. Tuy nhiên, thời tiết bất lợi đã ảnh hưởng đến hoạt động khai thác thủy sản biển.*

***a) Nông nghiệp***

*Lúa hè thu*

Tính đến ngày 20/8/2025, cả nước gieo cấy được 1.899,4 nghìn ha lúa hè thu, giảm 8,7 nghìn ha so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, các địa phương phía Bắc đạt 172,6 nghìn ha, giảm 1,4 nghìn ha; các địa phương phía Nam đạt 1.726,8 nghìn ha, giảm 7,3 nghìn ha. Diện tích lúa hè thu giảm so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do một số địa phương chuyển một phần diện tích lúa sang cây trồng khác cho hiệu quả kinh tế cao hơn. Đến nay, các địa phương phía Nam thu hoạch được 1.140,9 nghìn ha lúa hè thu sớm, bằng 102,0% cùng kỳ năm 2024, trong đó một số địa phương có tiến độ thu hoạch nhanh so với cùng kỳ năm trước: Cà Mau bằng 230,0%; Vĩnh Long bằng 136,0%; An Giang bằng 104,6%.

*Lúa mùa*

Tính đến ngày 20/8/2025, cả nước gieo cấy được 1.375,6 nghìn ha lúa mùa, giảm 6,4 nghìn ha so với cùng kỳ năm trước. Các địa phương phía Bắc đạt 978,3 nghìn ha, giảm 15,6 nghìn ha, trong đó, vùng Đồng bằng sông Hồng đã cơ bản kết thúc gieo cấy với diện tích đạt 471,3 nghìn ha, giảm 10,5 nghìn ha[[1]](#footnote-1); các địa phương phía Nam đạt 397,3 nghìn ha, tăng 9,2 nghìn ha. Hiện nay, lúa mùa đang trong thời kỳ sinh trưởng chính vụ, các địa phương tập trung bón thúc, làm cỏ và phòng trừ sâu bệnh.

*Lúa thu đông*

Tính đến ngày 20/8/2025, vùng Đồng bằng sông Cửu Long xuống giống được 449,3 nghìn ha lúa thu đông, bằng 96,4% cùng kỳ năm trước, chủ yếu do các địa phương chủ động cho đất nghỉ để cải thiện độ dinh dưỡng theo khuyến cáo của ngành Nông nghiệp; ngoài ra, thời tiết mưa kéo dài cũng ảnh hưởng đến tiến độ xuống giống. Một số địa phương có tiến độ xuống giống chậm so với cùng kỳ năm trước: Vĩnh Long bằng 90,3%; Đồng Tháp bằng 91,7%; Cần Thơ bằng 95,2%. Hiện lúa thu đông đang phát triển tốt, các địa phương cần thường xuyên kiểm tra, xây dựng phương án bảo đảm an toàn hệ thống thủy lợi trong mùa mưa lũ.

*Cây hằng năm*

Cùng với gieo cấy lúa, các địa phương trên cả nước đang tiến hành gieo trồng cây hoa màu. Tuy nhiên, diện tích một số cây hằng năm giảm so với cùng kỳ năm trước do hiệu quả kinh tế không cao.

**Hình 1. Diện tích gieo trồng một số cây hằng năm**

*(Tính đến ngày 20/8/2025)*

A screenshot of a cell phone

Description automatically generated

*Chăn nuôi*

Chăn nuôi trâu, bò tiếp tục xu hướng giảm chủ yếu do diện tích chăn thả bị thu hẹp và hiệu quả kinh tế không cao. Chăn nuôi lợn gặp khó khăn do dịch tả lợn châu Phi diễn biến phức tạp. Bệnh dịch chủ yếu bùng phát ở các hộ, cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ, không đảm bảo các điều kiện an toàn sinh học, sát trùng, cách ly, kiểm soát việc ra vào chuồng trại cùng với thời tiết giao mùa, mưa nhiều, độ ẩm cao làm giảm hiệu quả khử trùng, tạo môi trường thuận lợi cho vi- rút lây lan. Một số địa phương có tổng đàn lợn giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước: Quảng Trị giảm 13,6%; Phú Thọ giảm 12,8%; Cao Bằng giảm 10,3%; Đà Nẵng giảm 7,2%; Quảng Ngãi giảm 5,8%; Hà Nội giảm 3,2%; Hà Tĩnh giảm 2,6%; Ninh Bình giảm 2,2%. Mặc dù vậy, tại các doanh nghiệp, cơ sở chăn nuôi quy mô lớn đàn lợn vẫn được bảo vệ tốt nhờ áp dụng nghiêm ngặt các biện pháp an toàn sinh học. Chăn nuôi gia cầm tăng khá do các điều kiện sản xuất tương đối thuận lợi, dịch bệnh được kiểm soát tốt, không bùng phát các ổ dịch lớn.

**Hình 2. Tốc độ tăng/giảm số lượng gia súc, gia cầm cuối tháng 8/2025 so với cùng thời điểm năm trước**

A comparison of a pair of animals

Description automatically generated with medium confidence

Tính đến ngày 29/8/2025, cả nước không còn dịch tai xanh và dịch lở mồm long móng; dịch cúm gia cầm còn ở Nghệ An, Quảng Ngãi; dịch viêm da nổi cục còn ở Lạng Sơn, Thái Nguyên, Sơn La, Nghệ An, Đồng Nai và dịch tả lợn châu Phi còn ở 33/34 địa phương chưa qua 21 ngày[[2]](#footnote-2).

***b) Lâm nghiệp***

Diện tích rừng trồng mới tập trung cả nước tháng Tám ước đạt 22,4 nghìn ha, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước[[3]](#footnote-3); số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 6,5 triệu cây, tăng 6,8%; sản lượng gỗ khai thác đạt 2.284,8 nghìn m3, tăng 6,6% do giá gỗ nguyên liệu duy trì ổn định, nhiều địa phương đẩy mạnh khai thác gỗ đến kỳ thu hoạch[[4]](#footnote-4). Tính chung tám tháng năm 2025, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 186,8 nghìn ha, tăng 13,9% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 60,4 triệu cây, tăng 2,7%; sản lượng gỗ khai thác đạt 15.463,2 nghìn m3, tăng 7,4%.

Diện tích rừng bị thiệt hại[[5]](#footnote-5) trong tháng Tám là 31,5 ha, giảm 35,0% so với cùng kỳ năm trước, trong đó rừng bị chặt, phá là 22,7 ha, giảm 47,5%; diện tích rừng bị cháy là 8,8 ha, tăng 66,7%. Tính chung tám tháng năm 2025, diện tích rừng bị thiệt hại là 960,3 ha, giảm 30,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị chặt, phá là 654,5 ha, tăng 1,0%; diện tích rừng bị cháy là 305,8 ha, giảm 58,6%.

***c) Thủy sản***

Sản lượng thủy sản tháng Tám ước đạt 916,4 nghìn tấn, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 629,3 nghìn tấn, tăng 1,6%; tôm đạt 160,8 nghìn tấn, tăng 5,3%; thủy sản khác đạt 126,3 nghìn tấn, tăng 3,5%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tháng ước đạt 592,5 nghìn tấn, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá đạt 380,7 nghìn tấn, tăng 3,5%; tôm đạt 150,3 nghìn tấn, tăng 5,8%.

Sản lượng thu hoạch cá tra trong tháng tăng so với cùng kỳ năm trước do giá cá tra nguyên liệu tăng[[6]](#footnote-6), sản lượng cá tra thu hoạch bảo đảm nguồn nguyên liệu phục vụ chế biến xuất khẩu. Sản lượng cá tra trong tháng ước đạt 168,9 nghìn tấn, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng tôm trong tháng tăng so với cùng kỳ năm trước do người nuôi áp dụng mô hình thâm canh, siêu thâm canh và ứng dụng công nghệ cao làm tăng năng suất nuôi. Sản lượng tôm thẻ chân trắng tháng Tám ước đạt 111,0 nghìn tấn, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm sú đạt 29,1 nghìn tấn, tăng 3,9%.

Sản lượng thủy sản khai thác trong tháng ước đạt 323,9 nghìn tấn, giảm 1,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá đạt 248,6 nghìn tấn, giảm 1,0%; tôm đạt 10,5 nghìn tấn, giảm 0,9%; thủy sản khác đạt 64,8 nghìn tấn, giảm 1,5% do thời tiết bất lợi bởi mưa bão, các phương tiện nằm bờ tránh bão. Sản lượng thủy sản khai thác biển ước đạt 306,0 nghìn tấn, giảm 1,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá đạt 236,3 nghìn tấn, giảm 1,0%; tôm ước đạt 9,2 nghìn tấn, giảm 2,1%; thủy sản khác đạt 60,5 nghìn tấn, giảm 1,5%.

**Hình 3. Sản lượng thủy sản 8 tháng năm 2025  
so với cùng kỳ năm 2024**

A close-up of a sign

Description automatically generated

Tính chung tám tháng năm 2025, sản lượng thủy sản ước đạt 6.416,4 nghìn tấn, tăng 3,0% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá đạt 4.555,0 nghìn tấn, tăng 2,7%; tôm đạt 954,2 nghìn tấn, tăng 5,6%; thủy sản khác đạt 907,2 nghìn tấn, tăng 2,2%.

**2. Sản xuất công nghiệp**

*Sản xuất công nghiệp tháng Tám tiếp tục ghi nhận đà tăng trưởng. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng Tám ước tăng 2,2% so với tháng trước và tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước[[7]](#footnote-7). Tính chung tám tháng năm 2025, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước.*

*Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng Tám* ước tăng 2,2% so với tháng trước[[8]](#footnote-8) và tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,5% so với cùng kỳ năm trước; ngành khai khoáng tăng 9,1%; sản xuất và phân phối điện tăng 6,1%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,4%.

*Tính chung tám tháng năm 2025*, IIP ước tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 tăng 8,4%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 10,0% (cùng kỳ năm 2024 tăng 9,5%), đóng góp 8,1 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,1% (cùng kỳ năm 2024 tăng 9,2%), đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,9% (cùng kỳ năm 2024 tăng 11,7%), đóng góp 0,5 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 1,1% (cùng kỳ năm 2024 giảm 6,5%), làm giảm 0,2 điểm phần trăm.

*Chỉ số sản xuất công nghiệp tám tháng năm 2025 của một số ngành trọng điểm cấp II tăng so với cùng kỳ năm trước*: Sản xuất xe có động cơ tăng 27,4%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 17,5%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 15,0%; sản xuất trang phục tăng 13,9%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 13,4%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 12,0%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 11,8%; sản xuất kim loại tăng 10,5%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 10,1%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa... tăng 9,6%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 9,5%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 7,5%. Ở chiều ngược lại, chỉ số IIP của một số ngành tăng thấp hoặc giảm: Khai thác than cứng và than non tăng 3,9%; sản xuất đồ uống tăng 2,6%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 5,5%.

**Biểu 1. Tốc độ tăng, giảm chỉ số IIP 8 tháng các năm 2021-2025  
so với cùng kỳ năm trước của một số ngành công nghiệp trọng điểm**

***%***

|  | **2021** | **2022** | **2023** | **2024** | **2025** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |
| Khai thác than cứng và than non | -0,3 | 6,9 | -1,2 | -3,5 | 3,9 |
| Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên | -11,1 | -0,6 | -2,6 | -11,9 | -5,5 |
| Sản xuất chế biến thực phẩm | 1,5 | 9,0 | 4,9 | 7,3 | 10,1 |
| Sản xuất đồ uống | 0,2 | 27,3 | 4,0 | 0,2 | 2,6 |
| Sản xuất trang phục | 5,8 | 22,3 | -3,4 | 8,8 | 13,9 |
| Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan | 8,2 | 18,0 | -2,4 | 10,8 | 13,4 |
| Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện | 4,3 | 13,5 | -4,6 | 9,8 | 9,6 |
| Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy | 4,5 | 9,7 | -4,8 | 9,6 | 9,5 |
| Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic | -0,1 | -6,6 | 8,5 | 29,3 | 17,5 |
| Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác | 3,3 | 7,2 | -4,3 | -1,0 | 15,0 |
| Sản xuất kim loại | 30,6 | -1,2 | 0,6 | 12,3 | 10,5 |
| Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) | 5,7 | 9,8 | 6,7 | 11,9 | 12,0 |
| Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học | 8,5 | 11,0 | -3,2 | 9,5 | 7,5 |
| Sản xuất xe có động cơ | 21,4 | 3,9 | -6,6 | 11,2 | 27,4 |
| Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | 7,8 | 5,3 | 0,8 | 22,9 | 11,8 |

*Chỉ số sản xuất công nghiệp tám tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước tăng ở cả 34 địa phương*. Một số địa phương có chỉ số IIP đạt mức tăng khá nhờ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; ngành sản xuất và phân phối điện tăng cao[[9]](#footnote-9). Ở chiều ngược lại, một số địa phương có chỉ số IIP tăng thấp do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; ngành khai khoáng và ngành sản xuất, phân phối điện tăng thấp hoặc giảm[[10]](#footnote-10).

**Hình 4. Tốc độ tăng, giảm IIP 8 tháng năm 2025**

**so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương *(%)***

|  |  |
| --- | --- |
| **10 địa phương có chỉ số IIP tăng cao nhất** | **10 địa phương có chỉ số IIP tăng thấp nhất** |

*Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực* trong tám tháng năm 2025 tăng so với cùng kỳ năm trước: Ô tô tăng 59,6%; tivi tăng 21,4%; phân hỗn hợp NPK tăng 17,9%; quần áo mặc thường tăng 14,7%; xi măng tăng 14,6%; giày, dép da tăng 13,9%; thức ăn cho thủy sản tăng 12,5%; thép cán tăng 11,9%; đường kính tăng 11,8%; vải dệt từ sợi tự nhiên tăng 9,6%; sơn hóa học tăng 9,3%. Ở chiều ngược lại, một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ năm trước: Khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm 9,4%; vải dệt từ sợi nhân tạo giảm 4,4%; dầu mỏ thô khai thác giảm 1,6%.

*Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/8/2025* tăng 0,9% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 4,7% so với cùng thời điểm năm trước. Trong đó, tỷ lệ tương ứng của doanh nghiệp Nhà nước tăng 0,1% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 2,3% so với cùng thời điểm năm trước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,1% và tăng 5,4%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 0,7% và tăng 3,0%. Theo ngành hoạt động, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng không đổi so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 2,0% so với cùng thời điểm năm trước; số lao động trong ngành chế biến, chế tạo tăng 1,0% và tăng 4,9%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 0,1% và tăng 2,8%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,4% và tăng 2,0%.

**3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp**

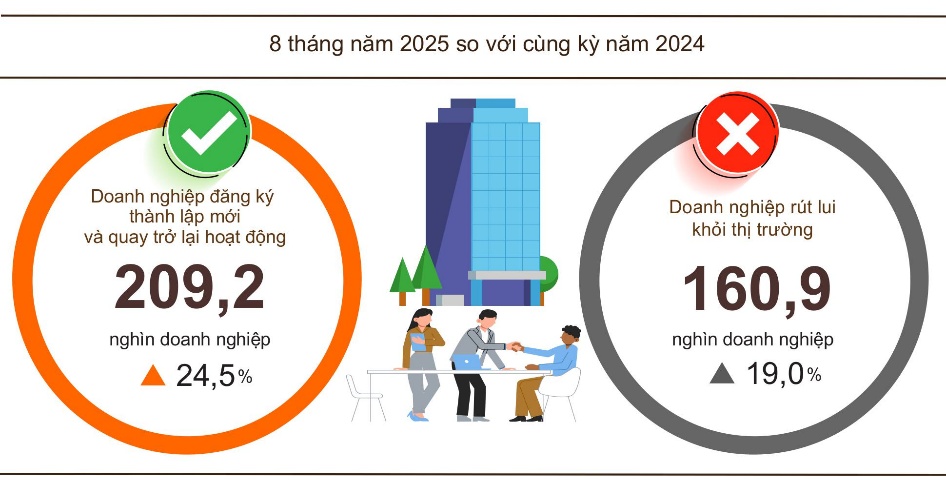
Trong tháng Tám, cả nước có 20,5 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 326,1 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký là 106,9 nghìn lao động, tăng 23,9% về số doanh nghiệp, gấp gần 2,8 lần về số vốn đăng ký và tăng 35,4% về số lao động so với tháng Bảy. So với cùng kỳ năm trước, tăng 52,9% về số doanh nghiệp, gấp hơn 2,6 lần về số vốn đăng ký và tăng 49,0% về số lao động. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng đạt 15,9 tỷ đồng, gấp hơn 2,2 lần so với tháng trước và tăng 71,2% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, cả nước còn có 12,4 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 15,0% so với tháng trước và tăng 46,4% so với cùng kỳ năm 2024.

Tính chung tám tháng năm 2025, cả nước có 128,2 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1.254,5 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là gần 777 nghìn lao động, tăng 15,7% về số doanh nghiệp, tăng 26,1% về số vốn đăng ký và tăng 15,5% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tám tháng năm 2025 đạt 9,8 tỷ đồng, tăng 9,0% so với cùng kỳ năm 2024. Tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong tám tháng năm 2025 đạt gần 4.135,7 nghìn tỷ đồng, tăng 105,3% so với cùng kỳ năm 2024[[11]](#footnote-11). Bên cạnh đó, cả nước có 81,1 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (tăng 41,4% so với cùng kỳ năm 2024), nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động trong tám tháng năm 2025 lên 209,2 nghìn doanh nghiệp, tăng 24,5% so với cùng kỳ năm 2024. Bình quân một tháng có 26,2 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

Theo khu vực kinh tế, trong tám tháng năm 2025 có 1.167 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng 7,1% so với cùng kỳ năm trước; 28,4 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, tăng 10,7%; 98,6 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, tăng 17,4%.

Cũng trong tháng Tám, có 6,5 nghìn doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, giảm 11,0% so với tháng trước và tăng 22,5% so với cùng kỳ năm 2024; có 6,9 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 56,8% và tăng 33,2%; có 3,8 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 96,7% và tăng 99,0%.

**Hình 5. Tình hình đăng ký doanh nghiệp**

****

Tính chung trong tám tháng năm nay, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 95,0 nghìn doanh nghiệp, tăng 14,7% so với cùng kỳ năm trước; 47,8 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 23,7%; 18,1 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 31,5%. Bình quân một tháng có 20,1 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

**Biểu 2. Doanh nghiệp thành lập mới và giải thể 8 tháng năm 2025 phân theo một số lĩnh vực hoạt động**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Số lượng doanh nghiệp (Doanh nghiệp) | | Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%) | |
| Thành lập mới | Giải thể | Thành lập mới | Giải thể |
| Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy | 55.067 | 6.628 | 21,3 | 19,2 |
| Công nghiệp chế biến chế tạo | 17.213 | 1.969 | 28,6 | 35,2 |
| Xây dựng | 9.813 | 1.281 | -11,3 | 30,7 |
| Kinh doanh bất động sản | 3.543 | 1.014 | 12,3 | 24,6 |
| Vận tải kho bãi | 7.269 | 692 | 24,0 | 33,6 |
| Dịch vụ lưu trú và ăn uống | 4.681 | 922 | 12,7 | 46,1 |
| Sản xuất phân phối, điện, nước, gas | 965 | 219 | 20,6 | 28,8 |

**4. Đầu tư**

*Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng Tám được các bộ, ngành và địa phương tập trung đẩy mạnh thực hiện, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế. Tính chung tám tháng năm 2025, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 48,3% kế hoạch, tăng 26,9% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện tại Việt Nam tám tháng năm 2025 ước đạt 15,40 tỷ USD, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước.*

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng Tám ước đạt 83,8 nghìn tỷ đồng, tăng 32,6% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn Trung ương quản lý đạt 12,1 nghìn tỷ đồng, tăng 8,1%; vốn địa phương quản lý 71,7 nghìn tỷ đồng, tăng 37,9%. Tính chung tám tháng năm 2025, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 463,2 nghìn tỷ đồng, bằng 48,3% kế hoạch năm và tăng 26,9% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 bằng 46,7% và tăng 2,5%). Cụ thể:

- Vốn đầu tư thực hiện do Trung ương quản lý ước đạt 66,4 nghìn tỷ đồng, bằng 45,2% kế hoạch năm và tăng 6,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Bộ Xây dựng đạt 40,7 nghìn tỷ đồng, tăng 2,2%; Bộ Nông nghiệp và Môi trường đạt 10,3 nghìn tỷ đồng, tăng 60,7%; Bộ Y tế đạt 1,7 nghìn tỷ đồng, gấp 2,7 lần; Bộ Giáo dục và Đào tạo đạt 1,0 nghìn tỷ đồng, tăng 67,8%; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đạt 535,6 tỷ đồng, tăng 39,7%; Bộ Khoa học và Công Nghệ đạt 271,5 tỷ đồng, giảm 12,1 %; Bộ Công Thương đạt 135,9 tỷ đồng, giảm 59,5%.

- Vốn đầu tư thực hiện do địa phương quản lý ước đạt 396,8 nghìn tỷ đồng, bằng 48,8% kế hoạch năm và tăng 31,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 319,4 nghìn tỷ đồng, bằng 47,7% và tăng 36,1% so với cùng kỳ năm 2024;

Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã đạt 77,4 nghìn tỷ đồng, bằng 54,0% và   
tăng 14,2%.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tám tháng năm 2025 của một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

**Hình 6. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước**

**8 tháng năm 2024-2025 của một số địa phương**

*Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam[[12]](#footnote-12)* tính đến ngày 31/8/2025 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 26,14 tỷ USD, tăng 27,3% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 7. Vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam**

**8 tháng các năm 2021-2025 (Tỷ USD)**

- Vốn đăng ký cấp mới có 2.534 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 11,03 tỷ USD, tăng 12,6% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và giảm 8,1% về số vốn đăng ký. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 6,53 tỷ USD, chiếm 59,2% tổng vốn đăng ký cấp mới; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 2,37 tỷ USD, chiếm 21,5%; các ngành còn lại đạt 2,13 tỷ USD, chiếm 19,3%.

Trong số 78 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong tám tháng năm 2025, Xin-ga-po là nhà đầu tư lớn nhất với 3,06 tỷ USD, chiếm 27,8% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Trung Quốc 2,65 tỷ USD, chiếm 24,0%; Thụy Điển 1,0 tỷ USD, chiếm 9,1%; Nhật Bản 877,9 triệu USD, chiếm 8,0%; Đặc khu hành chính Hồng Công (Trung Quốc) 786,4 triệu USD, chiếm 7,1%; Đài Loan 745,6 triệu USD, chiếm 6,8%; Hoa Kỳ 433,7 triệu USD, chiếm 3,9%.

- Vốn đăng ký điều chỉnh có 996 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm 10,65 tỷ USD, tăng 85,9% so với cùng kỳ năm trước.

Nếu tính cả vốn đăng ký mới và vốn đăng ký điều chỉnh của các dự án đã cấp phép từ các năm trước thì vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 13,64 tỷ USD, chiếm 62,9% tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 4,98 tỷ USD, chiếm 23,0%; các ngành còn lại đạt 3,06 tỷ USD, chiếm 14,1%.

- Vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 2.245 lượt với tổng giá trị góp vốn 4,46 tỷ USD, tăng 58,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, có 882 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị góp vốn là 1,61 tỷ USD và 1.363 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 2,85 tỷ USD. Đối với hình thức góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài, vốn đầu tư vào công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 1,65 tỷ USD, chiếm 37,0% giá trị góp vốn; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ đạt 981,7 triệu USD, chiếm 22,0%; ngành còn lại 1,83 tỷ USD, chiếm 41,0%.

**Hình 8. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện**

**8 tháng các năm 2021-2025 (Tỷ USD)**

*Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam* tám tháng năm 2025 ước đạt 15,40 tỷ USD, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của tám tháng trong 5 năm qua. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 12,57 tỷ USD, chiếm 81,6% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 1,24 tỷ USD, chiếm 8,0%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 563,6 triệu USD, chiếm 3,7%.

*Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài* trong tám tháng năm 2025 có 108 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 426,5 triệu USD, gấp 2,9 lần so với cùng kỳ năm trước; có 21 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 129,7 triệu USD.

Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 556,2 triệu USD, gấp 3,8 lần so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 111,2 triệu USD, chiếm 20,0% tổng vốn đầu tư; vận tải kho bãi đạt 109,1 triệu USD; chiếm 19,6%; bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác đạt 78,6 triệu USD; chiếm 14,1%.

Trong tám tháng năm 2025, có 33 quốc gia và vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam, trong đó: Lào là nước dẫn đầu với 150,3 triệu USD, chiếm 27,0% tổng vốn đầu tư; Phi-li-pin 61,8 triệu USD, chiếm 11,1%; In-đô-nê-xi-a 60,5 triệu USD, chiếm 10,9%; Đức đạt 50,6 triệu USD, chiếm 9,1%; Hoa Kỳ 31,6 triệu USD, chiếm 5,7%.

**5. Thu, chi ngân sách Nhà nước[[13]](#footnote-13)**

*Thu ngân sách Nhà nước tám tháng năm 2025 ước tăng 28,5% so với cùng kỳ năm trước, chi ngân sách Nhà nước ước tăng 31,5%, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước và thanh toán các khoản chi trả nợ đến hạn, chăm lo cho các đối tượng hưởng lương, lương hưu, trợ cấp xã hội, thực hiện các nhiệm vụ chi phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số, chi trả kịp thời các chế độ, chính sách cho các đối tượng theo các Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ.*

**Hình 9. Thu, chi ngân sách Nhà nước 8 tháng năm 2025**

**A cartoon of a balance scale with money and piggy bank

Description automatically generated**

***Thu ngân sách Nhà nước***

Tổng thu ngân sách Nhà nước tháng Tám ước đạt 158,8 nghìn tỷ đồng. Lũy kế tổng thu ngân sách Nhà nước tám tháng năm 2025 ước đạt gần 1.740,0 nghìn tỷ đồng, bằng 88,5% dự toán năm và tăng 28,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, một số khoản thu chính như sau:

*- Thu nội địa* tháng Tám ước đạt 130,8 nghìn tỷ đồng; lũy kế tám tháng năm 2025 ước đạt 1.498,8 nghìn tỷ đồng, bằng 89,8% dự toán năm và tăng 32,7% so với cùng kỳ năm trước.

*- Thu từ dầu thô* tháng Tám ước đạt 3,9 nghìn tỷ đồng; lũy kế tám tháng năm 2025 ước đạt 32,7 nghìn tỷ đồng, bằng 61,4% dự toán năm và giảm 17,6% so với cùng kỳ năm trước.

*- Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu* tháng Tám ước đạt gần 24,0 nghìn tỷ đồng; lũy kế tám tháng năm 2025 ước đạt 207,6 nghìn tỷ đồng, bằng 88,3% dự toán năm và tăng 12,3% so với cùng kỳ năm trước.

***Chi ngân sách Nhà nước***

Tổng chi ngân sách Nhà nước tháng Tám ước đạt 183,1 nghìn tỷ đồng. Lũy kế tổng chi ngân sách Nhà nước tám tháng năm 2025 ước đạt 1.450,3 nghìn tỷ đồng, bằng 56,3% dự toán năm và tăng 31,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi thường xuyên tám tháng năm 2025 ước đạt 968,0 nghìn tỷ đồng, bằng 60,6% dự toán năm và tăng 27,6% so với cùng kỳ năm trước; chi đầu tư phát triển đạt 409,2 nghìn tỷ đồng, bằng 51,7% và tăng 49,4%; chi trả nợ lãi 70,4 nghìn tỷ đồng, bằng 63,7% và tăng 1,3%.

**6. Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch**

***a) Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng***

*Trong tháng Tám, các sự kiện và hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức long trọng với quy mô lớn đã góp phần thúc đẩy tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ và du lịch tăng cao. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Tám ước tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung tám tháng năm 2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 14,7% và doanh thu du lịch lữ hành tăng 20,3%.*

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng Tám ước đạt 588,2 nghìn tỷ đồng, tăng 2,6% so với tháng trước và tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu nhóm hàng may mặc tăng 13,7% so với cùng kỳ năm trước; lương thực, thực phẩm tăng 12,3%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 10,4%; dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 13,2% và du lịch lữ hành tăng 15,2%.

**Biểu 3. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng  
theo giá hiện hành**

***Nghìn tỷ đồng***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Ước tính  tháng 8  năm 2025 | Ước tính  8 tháng  năm 2025 | Tốc độ tăng so với  cùng kỳ năm trước (%) | |
| Tháng 8  năm 2025 | 8 tháng  năm 2025 |
| **Tổng số** | **588,2** | **4.579,0** | **10,6** | **9,4** |
| Bán lẻ hàng hóa | 448,3 | 3.495,8 | 10,2 | 8,1 |
| Dịch vụ lưu trú, ăn uống | 71,0 | 552,4 | 13,2 | 14,7 |
| Du lịch lữ hành | 7,8 | 61,2 | 15,2 | 20,3 |
| Dịch vụ khác | 61,1 | 469,6 | 9,8 | 11,9 |

Tính chung tám tháng năm 2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 4.579,0 nghìn tỷ đồng, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 tăng 8,9%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7,2% (cùng kỳ năm 2024 tăng 8,0%).

**Hình 10. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng  
theo giá hiện hành 8 tháng giai đoạn 2021-2025**

*A graph with numbers and a line

Description automatically generated*

*Doanh thu bán lẻ hàng hóa* tám tháng năm 2025 ước đạt 3.495,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 76,3% tổng mức và tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, nhóm hàng lương thực, thực phẩm tăng 10,1%; vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 7,4%; may mặc tăng 7,3%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 6,7%. Doanh thu bán lẻ hàng hóa tám tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Đà Nẵng tăng 9,4%; Cần Thơ tăng 8,6%; Hà Nội tăng 8,2%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 8,1%; Hải Phòng tăng 8,0%.

*Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống* tám tháng năm 2025 ước đạt 552,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,1% tổng mức và tăng 14,7% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu tám tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Thành phố Hồ Chí Minh tăng 18,6%; Đà Nẵng tăng 18,2%; Cần Thơ tăng 14,2%; Hải Phòng tăng 12,7%; Hà Nội tăng 11,4%.

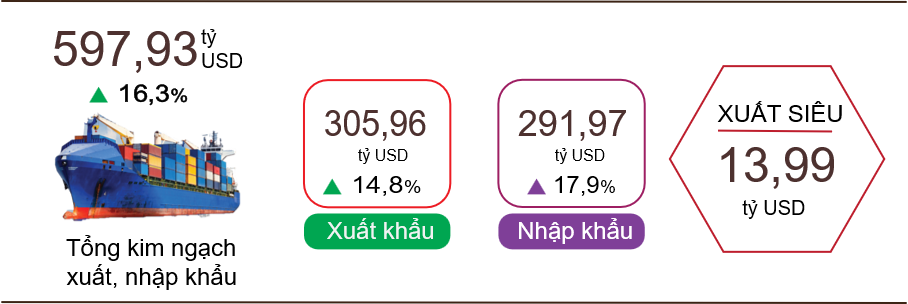
*Doanh thu du lịch lữ hành* tám tháng năm 2025 ước đạt 61,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 1,3% tổng mức và tăng 20,3% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu tám tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Thành phố Hồ Chí Minh tăng 24,0%; Hà Nội tăng 20,9%; Vĩnh Long tăng 19,8%; Quảng Trị tăng 18,0%; Quảng Ninh tăng 17,2%.

*Doanh thu dịch vụ khác* tám tháng năm 2025 ước đạt 469,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,3% tổng mức và tăng 11,9% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu tám tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Huế tăng 17,2%; Bắc Ninh tăng 20,3%; Thanh Hóa tăng 15,3%; Hải Phòng tăng 12,3%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 12,6%; An Giang tăng 10,8%; Hà Nội tăng 8,0%.

***b) Xuất, nhập khẩu hàng hóa[[14]](#footnote-14)***

*Trong tháng Tám, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa****[[15]](#footnote-15)*** *đạt 83,06 tỷ USD, tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 16,0% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung tám tháng năm 2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 597,93 tỷ USD, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,8%; nhập khẩu tăng 17,9%[[16]](#footnote-16). Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 13,99 tỷ USD.*

**Hình 11. Xuất, nhập khẩu hàng hóa 8 tháng năm 2025**



***Xuất khẩu hàng hóa***

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Bảy sơ bộ đạt 42,29 tỷ USD[[17]](#footnote-17).

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Tám đạt 43,39 tỷ USD, tăng 2,6% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 9,16 tỷ USD, tăng 2,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 34,22 tỷ USD, tăng 2,6%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Tám tăng 14,5%, trong đó khu vực kinh tế trong nước giảm 17,1%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 27,5%.

Tính chung tám tháng năm 2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 305,96 tỷ USD, tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 76,69 tỷ USD, tăng 3,2%, chiếm 25,1% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 229,27 tỷ USD, tăng 19,3%, chiếm 74,9%.

Trong tám tháng năm 2025 có 29 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 92,1% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 7 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 67,8%).

**Biểu 4. Giá trị một số mặt hàng xuất khẩu 8 tháng năm 2025**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Giá trị  *(Triệu USD)* | Tốc độ tăng so với  cùng kỳ năm trước *(%)* |
| **Các mặt hàng đạt giá trị trên 10 tỷ USD** |  |  |
| Điện tử, máy tính và linh kiện | 66.873 | 43,1 |
| Điện thoại các loại và linh kiện | 38.190 | 2,4 |
| Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác | 37.396 | 13,8 |
| Hàng dệt, may | 26.472 | 8,5 |
| Giày dép | 16.083 | 7,2 |
| Phương tiện vận tải và phụ tùng | 11.388 | 12,7 |
| Gỗ và sản phẩm gỗ | 11.123 | 6,5 |

*Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu tám tháng năm 2025,* nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 271,06 tỷ USD, chiếm 88,6%; nhóm hàng nông sản, lâm sản đạt 25,92 tỷ USD, chiếm 8,5%; nhóm hàng thủy sản đạt 7,15 tỷ USD, chiếm 2,3%; nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản đạt 1,83 tỷ USD, chiếm 0,6%.

**Hình 12. Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu  
8 tháng năm 2025**



***Nhập khẩu hàng hóa***

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Bảy sơ bộ đạt 40,0 tỷ USD[[18]](#footnote-18).

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Tám đạt 39,67 tỷ USD, giảm 0,8% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 10,76 tỷ USD, giảm 4,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 28,91 tỷ USD, tăng 0,7%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Tám tăng 17,7%, trong đó khu vực kinh tế trong nước giảm 11,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 34,0%.

Tính chung tám tháng năm 2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 291,97 tỷ USD, tăng 17,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 94,77 tỷ USD, tăng 5,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 197,2 tỷ USD, tăng 25,1%.

Trong tám tháng năm 2025 có 38 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 91,2% tổng kim ngạch nhập khẩu(có 2 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 46,2%).

**Biểu 5. Giá trị một số mặt hàng nhập khẩu 8 tháng năm 2025**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Giá trị  *(Triệu USD)* | | Tốc độ tăng so với  cùng kỳ năm trước *(%)* | |
| **Các mặt hàng đạt giá trị trên 10 tỷ USD** | |  | |  | |
| Điện tử, máy tính và linh kiện | 95.953 | | 38,2 | |
| Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác | 38.866 | | 23,6 | |

*Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu tám tháng năm 2025,* nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 273,91 tỷ USD, chiếm 93,8%, trong đó nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 52,2%; nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 41,6%. Nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng đạt 18,06 tỷ USD, chiếm 6,2%.

**Hình 13. Cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu  
8 tháng năm 2025**



*Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa tám tháng năm 2025,* Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 99,1 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 117,9 tỷ USD. Trong tám tháng năm 2025, xuất siêu sang Hoa Kỳ đạt 87,0 tỷ USD tăng 26,8% so với cùng kỳ năm trước; xuất siêu sang EU 25,6 tỷ USD, tăng 10,0%; xuất siêu sang Nhật Bản 1,5 tỷ USD, giảm 9,3%; nhập siêu từ Trung Quốc 75,9 tỷ USD, tăng 39,8%; nhập siêu từ Hàn Quốc 20,1 tỷ USD, tăng 0,7%; nhập siêu từ ASEAN 9,4 tỷ USD, tăng 69,1%.

**Hình 14. Thị trường xuất, nhập khẩu hàng hoá chủ yếu 8 tháng năm 2025**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | |  | | |
|  |  | Xuất khẩu hàng hóa | Nhập khẩu hàng hóa |  |

Theo số liệu sơ bộ, cán cân thương mại hàng hóa tháng Bảy xuất siêu 2,29 tỷ USD[[19]](#footnote-19); bảy tháng xuất siêu 10,27 tỷ USD; tháng Tám xuất siêu 3,72 tỷ USD. Tính chung tám tháng năm 2025, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 13,99 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 18,84 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 18,08 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 32,07 tỷ USD.

***c) Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ***

*Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Tám tăng 0,05% so với tháng trước chủ yếu do giá nhà ở thuê và ăn uống ngoài gia đình tăng. CPI tháng Tám tăng 2,18% so với tháng 12/2024; tăng 3,24% so với cùng kỳ năm trước.*

*Bình quân tám tháng năm 2025, CPI tăng 3,25% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,19%.*

**Hình 15. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 8/2025 so với tháng trước**

Trong mức tăng 0,05% của CPI tháng Tám so với tháng trước, có 08 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng; 03 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm.

(1) Tám nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng gồm:

- *Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng* tăng 0,21%, chủ yếu do các nguyên nhân sau: Giá thuê nhà tăng 0,28% do nhu cầu thuê nhà tăng tại một số địa phương trong thời điểm chuẩn bị vào năm học mới, khi sinh viên và học sinh quay trở lại các thành phố lớn để học tập; giá điện sinh hoạt tăng 1,01%[[20]](#footnote-20) do thời tiết nắng nóng làm nhu cầu sử dụng điện tăng; giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,49% do giá gạch, cát, đá tăng cao khi nguồn cung khan hiếm, chi phí sản xuất, vận chuyển tăng trong khi nhu cầu xây dựng cao. Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng trong tháng có giá giảm so với tháng trước: Giá gas giảm 3,86%, nguyên nhân là từ ngày 01/8/2025, giá gas trong nước điều chỉnh giảm theo giá gas thế giới; giá dầu hỏa giảm 0,86% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng.

- *Nhóm giáo dục* tăng 0,21%, trong đó, giá dịch vụ giáo dục tăng 0,21% do một số trường đại học, trung học dân lập và mầm non tư thục tại một số địa phương điều chỉnh tăng học phí năm học 2025-2026. Bên cạnh đó, giá sản phẩm từ giấy tăng 0,9%; bút viết các loại tăng 0,71%; văn phòng phẩm, đồ dùng học tập khác tăng 0,52%.

- *Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép* tăng 0,17% do nhu cầu mua sắm chuẩn bị bước vào năm học mới tăng. Trong đó, giá vải các loại tăng 0,28%; dịch vụ may mặc tăng 0,27%; giày dép tăng 0,18%; quần áo may sẵn và dịch vụ giày, dép cùng tăng 0,16%; mũ nón tăng 0,07%.

- *Nhóm đồ uống và thuốc lá* tăng 0,17% do nhu cầu tiêu dùng tăng trong dịp hè và chi phí sản xuất tăng, trong đó giá nước giải khát có ga tăng 0,41%; nước khoáng tăng 0,3%; rượu các loại tăng 0,2%; nước uống tăng lực đóng chai, lon, hộp tăng 0,17%; bia các loại tăng 0,12%; thuốc hút tăng 0,11%.

- *Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình* tăng 0,11% do chi phí sản xuất và nhân công tăng. Trong đó, giá quạt điện tăng 0,3%; đồ nhựa, cao su tăng 0,25%; bếp ga tăng 0,24%; xà phòng, chất tẩy rửa và dịch vụ sửa chữa điều hòa nhiệt độ cùng tăng 0,23%; dịch vụ sửa chữa ti vi và thuê đồ dùng trong gia đình cùng tăng 0,21%; bình nước nóng nhà tắm tăng 0,16%; đèn điện thắp sáng và giường, tủ, bàn ghế cùng tăng 0,11%; gương treo tường tăng 0,02%.

- *Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác* tăng 0,11%, tăng chủ yếu ở một số mặt hàng như: Giá đồ trang sức tăng 1,46% theo xu hướng giá vàng; sửa chữa đồng hồ đeo tay, sửa chữa đồ trang sức tăng 0,36%; dịch vụ về hiếu, hỷ tăng 0,18%; dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng 0,05%; dịch vụ cắt tóc, gội đầu tăng 0,04%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 0,01%. Ngược lại, giá máy dùng điện cho chăm sóc cá nhân giảm 0,38%; túi xách, va ly, ví giảm 0,15%.

- *Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch* tăng 0,08%, tập trung chủ yếu ở các nhóm: Giá khách sạn, nhà khách tăng 1,79%; vé thuê chỗ chơi thể thao tăng 0,19%; dịch vụ du lịch ngoài nước tăng 0,09%; xem phim, ca nhạc tăng 0,04%. Ở chiều ngược lại, du lịch trong nước giảm 0,15% do các công ty du lịch triển khai chương trình khuyến mại giảm giá để kích cầu tiêu dùng.

- *Nhóm thuốc và dịch vụ y tế* tăng nhẹ 0,03% do tỷ giá tăng làm chi phí nhập khẩu dược phẩm và các nguyên phụ liệu tăng. Trong đó, thuốc tim mạch tăng 0,23%; thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng tăng 0,16%; thuốc giảm đau, hạ sốt chống viêm không steroid và thuốc điều trị gút và các bệnh xương tăng 0,15%; nhóm vitamin và khoáng chất tăng 0,14%; dụng cụ y tế tăng 0,11%.

(2)Ba nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm gồm:

- *Nhóm bưu chính, viễn thông* giảm 0,04%, trong đó, máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng giảm 0,63%; điện thoại cố định giảm 0,23%; điện thoại di động thông thường giảm 0,12%. Ngược lại, giá sửa chữa điện thoại tăng 0,6%; phụ kiện máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng tăng 0,55%.

- *Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống* giảm 0,06%, trong đó: Thực phẩm giảm 0,18%[[21]](#footnote-21); ăn uống ngoài gia đình tăng 0,2%[[22]](#footnote-22); lương thực tăng nhẹ 0,01%[[23]](#footnote-23).

- *Nhóm giao thông* giảm 0,11%, trong đó, chỉ số giá dầu diesel giảm 2,06%; chỉ số giá xăng giảm 0,2% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước. Thêm vào đó, giá xe ô tô đã qua sử dụng giảm 0,58%; xe máy giảm 0,18% do doanh nghiệp áp dụng chương trình ưu đãi, hỗ trợ người tiêu dùng mua sắm. Ở chiều ngược lại, một số nhóm hàng có chỉ số giá tăng so với tháng trước: Giá vận tải hành khách bằng đường hàng không tăng 0,21%; vận tải hành khách bằng đường thủy tăng 0,08%; vận tải hành khách bằng đường bộ tăng 0,06% do nhu cầu đi lại trong dịp hè tăng. Giá nhóm phụ tùng tăng 0,17% do chi phí nhập khẩu linh kiện tăng; giá dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,36% do chi phí nhân công tăng.

Lạm phát cơ bản[[24]](#footnote-24) tháng Tám tăng 0,19% so với tháng trước và tăng 3,25% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân tám tháng năm 2025, lạm phát cơ bản tăng 3,19% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 3,25% của CPI bình quân chung, chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục là các yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 30/8/2025, bình quân giá vàng thế giới ở mức 3.418,45 USD/ounce, tăng 1,47% so với tháng trước, chủ yếu do kỳ vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) cắt giảm lãi suất, đồng USD suy yếu. Bên cạnh đó, bất ổn địa chính trị, hoạt động mua vào của các Ngân hàng Trung ương và nhu cầu vàng tăng mạnh tại các thị trường châu Á cũng đã tác động vào giá vàng thế giới. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng Tám tăng 1,2% so với tháng trước; tăng 48,62% so với cùng kỳ năm 2024; tăng 36,51% so với tháng 12/2024; bình quân tám tháng năm 2025 tăng 40,25% so với cùng kỳ năm trước.

Giá đô la Mỹ trong nước biến động ngược chiều với giá thế giới. Tính đến ngày 30/8/2025, chỉ số giá đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 98,11 điểm, giảm 0,14% so với tháng trước, chủ yếu do kỳ vọng FED sẽ cắt giảm lãi suất trong tháng 9/2025 để hỗ trợ tăng trưởng. Trong nước, chỉ số giá đô la Mỹ tháng Tám tăng 0,36% so với tháng trước; tăng 4,43% so với cùng kỳ năm 2024; tăng 3,67% so với tháng 12/2024; bình quân tám tháng năm 2025 tăng 3,45% so với cùng kỳ năm trước.

***d) Vận tải hành khách và hàng hóa***

*Hoạt động vận tải tháng Tám sôi động, đáp ứng nhu cầu đi lại, du lịch của người dân trong nước cũng như khách quốc tế đến Việt Nam trong dịp đại lễ Quốc khánh 2/9, đồng thời phục vụ sản xuất và xuất, nhập khẩu hàng hóa. So với cùng kỳ năm trước, vận tải hành khách tháng Tám tăng 25,1% về vận chuyển và tăng 19,2% về luân chuyển; vận tải hàng hóa tăng 15,7% về vận chuyển và tăng 17,7% về luân chuyển.*

*Tính chung tám tháng năm 2025, vận chuyển hành khách tăng 21,8% và luân chuyển tăng 14,2% so với cùng kỳ năm trước; vận chuyển hàng hóa tăng 14,6% và luân chuyển tăng 14,1%.*

*Vận tải hành khách* tháng Tám ước đạt 542,6 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 2,2% so với tháng trước và luân chuyển 27,8 tỷ lượt khách.km, tăng 2,2%. Tính chung tám tháng năm 2025, vận tải hành khách ước đạt 3.937,2 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 21,8% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển đạt 207,3 tỷ lượt khách.km, tăng 14,2%. Trong đó, vận tải trong nước ước đạt 3.924,1 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 21,8% so với cùng kỳ năm trước và 165,5 tỷ lượt khách.km luân chuyển, tăng 15,6%; vận tải ngoài nước ước đạt 13,1 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 9,6% và 41,8 tỷ lượt khách.km luân chuyển, tăng 9,2%.

**Biểu 6. Vận tải hành khách 8 tháng năm 2025 phân theo ngành vận tải**

|  | Số lượt hành khách | | Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%) | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Vận chuyển (Triệu HK) | Luân chuyển (Tỷ HK.km) | Vận chuyển | Luân chuyển |
| **Tổng số** | **3.937,2** | **207,3** | **21,8** | **14,2** |
| Đường sắt[[25]](#footnote-25) | 26,6 | 2,5 | 108,7 | 15,6 |
| Đường biển[[26]](#footnote-26) | 8,5 | 0,7 | -7,0 | 12,9 |
| Đường thủy nội địa | 277,9 | 6,3 | 16,2 | 22,8 |
| Đường bộ | 3.584,9 | 133,2 | 22,1 | 16,6 |
| Hàng không | 39,3 | 64,6 | 9,7 | 8,9 |

*Vận tải hàng hóa* tháng Tám ước đạt 254,8 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 1,3% so với tháng trước và luân chuyển 53,8 tỷ tấn.km, tăng 1,1%. Tính chung tám tháng năm 2025, vận tải hàng hóa ước đạt 1.937,5 triệu tấn vận chuyển, tăng 14,6% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 399,0 tỷ tấn.km, tăng 14,1%. Trong đó, vận tải trong nước ước đạt 1.904,1 triệu tấn vận chuyển, tăng 14,7% và 229,6 tỷ tấn.km luân chuyển, tăng 8,3%; vận tải ngoài nước ước đạt 33,4 triệu tấn vận chuyển, tăng 8,5% và 169,4 tỷ tấn.km luân chuyển, tăng 22,9%.

**Biểu 7. Vận tải hàng hóa 8 tháng năm 2025 phân theo ngành vận tải**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Sản lượng hàng hóa | | Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước (%) | |
|  | Vận chuyển (Triệu tấn) | Luân chuyển (Tỷ tấn.km) | Vận chuyển | Luân chuyển |
| **Tổng số** | **1.937,5** | **399,0** | **14,6** | **14,1** |
| Đường sắt | 3,6 | 2,7 | 7,3 | 7,8 |
| Đường biển | 102,8 | 212,6 | 15,7 | 17,4 |
| Đường thủy nội địa | 396,2 | 86,8 | 10,9 | 10,6 |
| Đường bộ | 1.434,6 | 90,3 | 15,5 | 11,2 |
| Hàng không | 0,3 | 6,6 | 6,9 | 0,7 |

***đ) Khách quốc tế đến Việt Nam****[[27]](#footnote-27)*

*Chính sách thị thực thuận lợi, các chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch được đẩy mạnh cùng với các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn của dân tộc đã thu hút khách quốc tế đến Việt Nam ngày càng tăng.*

Trong tháng Tám[[28]](#footnote-28), khách quốc tế đến nước ta đạt 1,68 triệu lượt người, tăng 7,8% so với tháng trước và tăng 16,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung tám tháng năm 2025, khách quốc tế đến Việt Nam đạt 13,9 triệu lượt người, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khách đến bằng đường hàng không đạt 11,9 triệu lượt người, chiếm 85,2% lượng khách quốc tế đến và tăng 22,6% so với cùng kỳ năm trước; bằng đường bộ đạt 1,9 triệu lượt người, chiếm 13,4% và tăng 17,5%; bằng đường biển đạt 187,8 nghìn lượt người, chiếm 1,4% và tăng 13,4%.

**Hình 16. Khách quốc tế đến Việt Nam 8 tháng năm 2025  
phân theo vùng lãnh thổ**

A screenshot of a graph

AI-generated content may be incorrect.

**7. Một số tình hình xã hội**

***a) Đời sống dân cư***

Theo kết quả sơ bộ Điều tra lao động việc làm, tỷ lệ hộ đánh giá có thu nhập tháng Tám không thay đổi và tăng lên so với tháng cùng kỳ năm trước là 96,6% (tăng 0,4 điểm phần trăm so với kỳ báo cáo tháng trước và tăng 0,5 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước); tỷ lệ hộ đánh giá có thu nhập giảm là 3,4%.

Các hộ có thu nhập tháng Tám giảm so với cùng kỳ năm trước nhận định các nguyên nhân[[29]](#footnote-29) chủ yếu là do: Có thành viên hộ mất việc làm hoặc tạm nghỉ việc (chiếm 36,6%); do quy mô các hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ giảm (27,2%); do giá bán các sản phẩm từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ giảm (20,8%); do chi phí đầu vào cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ tăng (19,5%).

Trong tám tháng năm 2025, có 29,4% hộ cho biết đã trải qua ít nhất một sự kiện gây ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống gia đình. Trong số các hộ chịu ảnh hưởng tiêu cực của các sự kiện, 28,7% hộ đang phải chịu những ảnh hưởng do giá cả hàng hóa, dịch vụ tăng cao; 2,4% hộ chịu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh đối với con người; 1,6% hộ chịu ảnh hưởng tiêu cực từ thiên tai và 1,8% hộ chịu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh đối với vật nuôi, cây trồng.

Trong tám tháng năm nay, có 13,1% hộ gia đình được phỏng vấn nhận được trợ giúp từ các nguồn hỗ trợ khác nhau. Trong đó, tỷ lệ hộ nhận được trợ giúp từ họ hàng, người thân là 9,1%; từ các chương trình, chính sách của địa phương là 4,7%; từ các chương trình, chính sách chung của quốc gia là 4,6%; từ các hoạt động từ thiện của các tổ chức và cá nhân khác là 1,6% và từ các nguồn khác là 0,02%.

Công tác bảo đảm an sinh xã hội luôn được các cấp, các ngành thực hiện kịp thời, thiết thực. Trong tháng Tám, tính đến hết ngày 28/8/2025, Chính phủ đã xuất cấp 990,3 tấn gạo cho hai tỉnh Điện Biên và Sơn La để hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả thiên tai, mưa lũ. Tính từ đầu năm đến nay, Chính phủ đã hỗ trợ cho người dân khoảng gần 11,3 nghìn tấn gạo, trong đó: Hỗ trợ 6,0 nghìn tấn gạo cứu đói nhân dịp Tết Nguyên đán cho 402,6 nghìn nhân khẩu; hỗ trợ 4,3 nghìn tấn gạo cứu đói giáp hạt năm 2025 cho 284,5 nghìn nhân khẩu; hỗ trợ 990,3 tấn gạo khắc phục hậu quả thiên tai, mưa lũ cho 66,0 nghìn nhân khẩu.

Theo số liệu báo cáo từ Bộ Dân tộc và Tôn giáo, chương trình “Cả nước chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát” đã cơ bản hoàn thành mục tiêu, về đích sớm hơn 5 năm 4 tháng so với mục tiêu tại Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới. Chương trình đã hỗ trợ xây mới, sửa chữa 334.234 căn (trong đó, xây mới 255.310 căn, sửa chữa 78.924 căn), gồm: Hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ là 39.981 căn; hỗ trợ nhà ở từ 02 Chương trình mục tiêu quốc gia là 62.230 căn; hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo từ Chương trình phát động và hỗ trợ cho các đối tượng khó khăn khác là 232.023 căn.

***b) Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm***

Theo báo cáo của Bộ Y tế, trong tháng (từ ngày 18/7-17/8/2025), cả nước có gần 21,6 nghìn trường hợp sốt xuất huyết (06 trường hợp tử vong); gần 5,7 nghìn trường hợp mắc bệnh tay chân miệng; 1.584 trường hợp sốt phát ban nghi sởi; 39 trường hợp viêm não vi - rút; 46 trường hợp viêm màng não do não mô cầu; 05 trường hợp tử vong do bệnh dại. Tính chung tám tháng năm 2025, cả nước có 111,7 nghìn trường hợp sốt phát ban nghi sởi (11 người tử vong); 65,1 nghìn trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (11 trường hợp tử vong); gần 39,6 nghìn trường hợp mắc bệnh tay chân miệng; 224 trường hợp viêm não vi - rút (01 người tử vong); 79 trường hợp viêm màng não do não mô cầu; 52 trường hợp tử vong do bệnh dại.

Tổng số người nhiễm HIV của cả nước hiện còn sống tính đến ngày 17/8/2025 là 251,5 nghìn người; số người tử vong do HIV/AIDS là 116,9 nghìn người.

Về ngộ độc thực phẩm, trong tháng Tám xảy ra 06 vụ ngộ độc thực phẩm làm 101 người bị ngộ độc (01 người tử vong). Tính chung tám tháng năm 2025 (từ 18/12/2024-17/8/2025), cả nước xảy ra 47 vụ với 585 người bị ngộ độc (14 người tử vong).

***c) Hoạt động văn hóa, thể thao***

*Về văn hóa*, trong tháng Tám, trên cả nước diễn ra chuỗi hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công (19/8/1945-19/8/2025), Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945-02/9/2025), 80 năm Ngày truyền thống Công an nhân dân và 20 năm Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc[[30]](#footnote-30). Để chuẩn bị cho Lễ diễu binh, diễu hành chào mừng 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các buổi hợp luyện được tổ chức vào các ngày 21, 24/8; sơ duyệt cấp Nhà nước vào ngày 27/8; tổng duyệt cấp Nhà nước diễn ra vào ngày 30/8 và Lễ diễu binh, diễu hành chính thức diễn ra ngày 02/9 với sự tham gia của khoảng 16.000 người và các lực lượng quốc tế tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội.

Hàng loạt các chương trình nghệ thuật cũng được diễn ra trong tháng Tám, nổi bật như: Chương trình chính luận nghệ thuật “Dưới cờ vinh quang” được tổ chức và truyền hình trực tiếp từ Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), cùng với hai điểm cầu khác là Quảng trường Ngọ Môn (Huế) và Công viên Sáng tạo Thủ Thiêm (Thành phố Hồ Chí Minh); Chương trình “Tổ quốc trong tim” được tổ chức tại Sân vận động Quốc gia Mỹ Đình (Hà Nội) với sự tham gia hơn 50.000 khán giả; Chương trình nghệ thuật đặc biệt “Tự hào là người Việt Nam” đã diễn ra tại Quảng trường Sân vận động Quốc gia Mỹ Đình (Hà Nội), kết nối hơn 30.000 khán giả trực tiếp cùng hàng triệu đồng bào Việt Nam ở trong và ngoài nước theo dõi trên sóng truyền hình, các nền tảng số; Chương trình nghệ thuật đặc biệt mang tên “Vang mãi bản hùng ca” diễn ra tại Nhà hát Hồ Gươm (Hà Nội)…

*Về các hoạt động thể thao,* trong tháng Tám đoàn thể thao Việt Nam đã tham gia Giải vô địch Bắn súng châu Á 2025 tại Ka-dắc-xtan từ ngày 16-30/8 với sự tham gia của 750 xạ thủ đến từ 28 quốc gia và vùng lãnh thổ; Giải karate vô địch trẻ châu Á mở rộng 2025 từ ngày 12-16/8 tại Trung Quốc với thành tích 01 huy chương vàng và 02 huy chương bạc; Việt Nam giành vị trí nhất toàn đoàn với 06 huy chương vàng, 04 huy chương bạc, 04 huy chương đồng tại Giải vô địch thể hình Đông Nam Á tổ chức tại Thái Lan ngày 21/8 với sự tham gia của hơn 100 lực sĩ thuộc 8 quốc gia trong khu vực; Việt Nam giành 09 huy chương vàng, 05 huy chương bạc, 06 huy chương đồng, xếp hạng nhì toàn đoàn tại giải vô địch Thể hình và Fitness châu Á tổ chức tại Thái Lan từ ngày 22-24/8; Việt Nam giành vị trí nhất toàn đoàn tại Giải vô địch Taekwondo Đông Nam Á tổ chức tại Khánh Hòa từ 18-21/8; đội tuyển Kurash Việt Nam giành 03 huy chương vàng, 02 huy chương bạc và 03 huy chương đồng, xếp vị trí thứ 2 chung cuộc tại giải Kurash vô địch châu Á 2025 diễn ra tại Hàn Quốc từ ngày 02-04/8; đội tuyển bóng đá nữ Việt Nam giành hạng ba tại Giải vô địch bóng đá nữ Đông Nam Á 2025 diễn ra từ ngày 06-19/8; Đội tuyển bóng chuyền nữ Việt Nam xếp hạng 31 tại Giải vô địch thế giới 2025 tổ chức tại Thái Lan; Việt Nam xếp thứ 19 tại Giải bóng chuyền nữ U21 thế giới 2025 tổ chức tại In-đô-nê-xi-a.

***d) Tai nạn giao thông*[[31]](#footnote-31)**

Trong tháng Tám (từ 26/7-25/8/2025), cả nước xảy ra 1.386 vụ tai nạn giao thông, làm chết 775 người và bị thương 931 người. So với tháng Bảy, số vụ tai nạn giao thông giảm 1,6%; số người chết giảm 3,6%; số người bị thương giảm 2,9%. So với cùng kỳ năm 2024, số vụ tai nạn giao thông giảm 23,7%; số người chết giảm 13,2%; số người bị thương giảm 26,4%.

Tính chung tám tháng năm 2025, trên địa bàn cả nước xảy ra 12.195 vụ tai nạn giao thông, làm chết 6.876 người và bị thương 8.136 người. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 23,8%; số người chết giảm 4,9%; số người bị thương giảm 32,4%. Bình quân một ngày trong tám tháng năm 2025, trên địa bàn cả nước xảy ra 50 vụ tai nạn giao thông, làm chết 28 người, bị thương 33 người.

***đ) Thiệt hại do thiên tai[[32]](#footnote-32)***

Thiệt hại do thiên tai trong tháng Tám chủ yếu do ảnh hưởng của mưa lũ, ngập lụt làm 31 người chết và mất tích; 85 người bị thương; hơn 111,4 nghìn ha lúa và hoa màu bị ngập, hư hỏng; 78,7 nghìn con gia súc và gia cầm bị chết; hơn 36,3 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và hư hại; tổng giá trị thiệt hại về tài sản do thiên tai gây ra trong tháng là 3.867,0 tỷ đồng, gấp 3,3 lần cùng kỳ năm trước. Tính chung tám tháng năm nay, thiên tai làm 175 người chết và mất tích, 188 người bị thương; 221,2 nghìn ha lúa và 29,1 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; 498,5 nghìn con gia súc và gia cầm bị chết; gần 52,4 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và hư hại; tổng giá trị thiệt hại về tài sản ước tính 9.865,8 tỷ đồng, gấp 2,9 lần cùng kỳ năm 2024.

***e) Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ***

Trong tháng Tám (từ 18/7-17/8/2025)[[33]](#footnote-33), các cơ quan chức năng phát hiện 948 vụ vi phạm môi trường tại 30/34 địa phương[[34]](#footnote-34), trong đó xử lý 775 vụ với tổng số tiền phạt 14,8 tỷ đồng, tăng 22,0% so với tháng trước và giảm 45,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung tám tháng năm nay, các cơ quan chức năng phát hiện 9.512 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 8.443 vụ với tổng số tiền phạt 142,4 tỷ đồng, giảm 30,3% so với cùng kỳ năm trước.

Trong tháng Tám (từ 15/7-14/8/2025)[[35]](#footnote-35), cả nước xảy ra 272 vụ cháy, nổ, làm 06 người chết và 10 người bị thương, thiệt hại ước tính 32,6 tỷ đồng, tăng 75,7% so với tháng trước và gấp gần 3,1 lần cùng kỳ năm trước. Tính chung tám tháng năm nay, trên địa bàn cả nước xảy ra 2.211 vụ cháy, nổ, làm 76 người chết và 89 người bị thương, thiệt hại ước tính 212,1 tỷ đồng, tăng 25,9% so với cùng kỳ năm trước./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Tổng Bí thư;  - Chủ tịch nước;  - Chủ tịch Quốc hội;  - Thủ tướng Chính phủ;  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Lãnh đạo Bộ Tài chính;  - Các cơ quan thuộc Trung ương Đảng;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Các cơ quan thuộc Quốc hội;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ,  cơ quan thuộc Chính phủ;  - Toà án Nhân dân tối cao;  - Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;  - Các đoàn thể Trung ương;  - Các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp VN;  - Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;  - Cơ quan Thông tấn, báo chí;  - Các đơn vị thuộc CTK;  - Lưu: VT, THĐN. | **CỤC TRƯỞNG**  **Nguyễn Thị Hương** |

1. Chủ yếu do thu hồi đất phục vụ dự án khu công nghiệp, chuyển đổi sang cây trồng có hiệu quả kinh tế cao hơn, trong đó: Ninh Bình giảm 4,2 nghìn ha; Hưng Yên giảm 2,4 nghìn ha; Hà Nội giảm 1,7 nghìn ha. [↑](#footnote-ref-1)
2. Hải Phòng không còn dịch tả lợn châu Phi. [↑](#footnote-ref-2)
3. Một số địa phương có diện tích rừng trồng mới tập trung tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Gia Lai tăng 80,8%; Đà Nẵng tăng 12,2%; Quảng Ngãi tăng 11,0%. [↑](#footnote-ref-3)
4. Một số địa phương có sản lượng gỗ khai thác tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Cà Mau tăng 68,7%; Khánh Hòa tăng 37,4%; Đà Nẵng tăng 8,8%; Huế tăng 8,3%; Thanh Hóa tăng 7,0%. [↑](#footnote-ref-4)
5. Số liệu Bộ Nông nghiệp và Môi trường tính đến 15/8/2025. [↑](#footnote-ref-5)
6. Nguồn: http://vasep.com.vn/gia-thuy-san và tổng hợp từ báo cáo của các địa phương: Giá cá tra nguyên liệu tại Đồng bằng sông Cửu Long loại 0,7-1,0 kg/con duy trì ở mức 28.000 đồng/kg - 29.000 đồng/kg, tăng khoảng 2.000 đồng/kg - 3.000 đồng/kg so với cùng kỳ năm 2024, với mức giá này người nuôi đã thu được lợi nhuận từ 4.000 đồng/kg - 5.000 đồng/kg. [↑](#footnote-ref-6)
7. Chỉ số IIP tháng 8/2024 so với cùng kỳ năm trước tăng 8,4%. [↑](#footnote-ref-7)
8. Tốc độ tăng/giảm chỉ số IIP tháng Tám so với tháng trước của một số địa phương có quy mô công nghiệp lớn: Vĩnh Long tăng 10,1%; Hải Phòng tăng 7,8%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 5,4%; Quảng Ngãi tăng 2,4%; Quảng Ninh tăng 2,1%; Đồng Nai tăng 1,9%; Đà Nẵng giảm 1,7%; Bắc Ninh giảm 1,2%. [↑](#footnote-ref-8)
9. Địa phương có chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tám tháng năm 2025 tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Quảng Ninh tăng 32,1%; Phú Thọ tăng 27,3%; Ninh Bình tăng 23,7%; Huế tăng 17,7%; Hải Phòng tăng 16,4%; Thanh Hóa tăng 16,3%. Các địa phương có chỉ số sản xuất của ngành sản xuất và phân phối điện tăng cao: Huế tăng 39,5%; Nghệ An tăng 27,6%; Phú Thọ tăng 14,0%. [↑](#footnote-ref-9)
10. Các địa phương có chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tám tháng năm 2025 tăng thấp hoặc giảm so với cùng kỳ năm trước: Lạng Sơn tăng 4,4%; Sơn La tăng 1,4%; Hà Tĩnh giảm 0,2%; Cao Bằng giảm 7,0%. Các địa phương có chỉ số của ngành sản xuất và phân phối điện tám tháng năm 2025 tăng thấp hoặc giảm so với cùng kỳ năm trước: Lâm Đồng tăng 1,5%; Cao Bằng tăng 0,5%; Cần Thơ giảm 0,5%; Thành phố Hồ Chí Minh giảm 36,6%. Địa phương có chỉ số sản xuất của ngành khai khoáng tám tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước tăng thấp hoặc giảm: Tuyên Quang tăng 2,2%; Hà Nội giảm 4,2%; Thành phố Hồ Chí Minh giảm 4,9%; Cần Thơ giảm 18,2%. [↑](#footnote-ref-10)
11. Trong đó, số vốn đăng ký tăng thêm của các doanh nghiệp đang hoạt động trong tám tháng năm 2025 đạt 2.881,2 nghìn tỷ đồng (tăng 182,7% so với cùng kỳ năm 2024). [↑](#footnote-ref-11)
12. Theo báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Tài chính, nhận ngày 03/9/2025. [↑](#footnote-ref-12)
13. Số liệu nhận từ Vụ Ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính ngày 04/9/2025. [↑](#footnote-ref-13)
14. Kim ngạch xuất khẩu tính theo giá F.O.B và kim ngạch nhập khẩu tính theo giá C.I.F (bao gồm chi phí vận tải, bảo hiểm của hàng nhập khẩu). [↑](#footnote-ref-14)
15. Số liệu sơ bộ xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa tháng Tám do Cục Hải quan cung cấp ngày 04/9/2025. [↑](#footnote-ref-15)
16. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tám tháng năm 2024 đạt 514,04 tỷ USD, tăng 17,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 266,44 tỷ USD, tăng 16,4%; nhập khẩu đạt 247,6 tỷ USD, tăng 18,4%. [↑](#footnote-ref-16)
17. Cao hơn 22 triệu USD so với số liệu Cục Hải quan gửi Cục Thống kê ngày 01/8/2025. [↑](#footnote-ref-17)
18. Không thay đổi so với số liệu Cục Hải quan gửi Cục Thống kê ngày 01/8/2025. [↑](#footnote-ref-18)
19. Kỳ báo cáo tháng Bảy sơ bộ xuất siêu 2,27 tỷ USD. [↑](#footnote-ref-19)
20. Chỉ số giá điện sinh hoạt tháng Tám phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác do được tính dựa trên doanh thu và sản lượng tiêu dùng của tháng Bảy. [↑](#footnote-ref-20)
21. Giá thịt lợn giảm 2,42% do dịch tả lợn châu Phi diễn biến phức tạp tại một số địa phương khiến người tiêu dùng lo lắng về an toàn thực phẩm và nguồn gốc xuất xứ. Theo đó, giá mỡ động vật giảm 1,72%; nội tạng động vật giảm 1,66%; giá thịt gia súc đông lạnh giảm 0,84%; thịt chế biến giảm 0,42%. Giá quả tươi, chế biến giảm 1,51%. Bên cạnh các mặt hàng giảm giá, một số mặt hàng thực phẩm trong tháng có giá tăng so với tháng trước: Giá thịt gia cầm tăng 0,89%; giá thủy sản tươi sống tăng 0,42%; giá thủy sản chế biến tăng 0,37%; giá trứng các loại tăng 3,22%; giá nhóm rau tươi, khô và chế biến tăng 1,0%; giá bánh, mứt, kẹo tăng 0,44%; chè, cà phê, ca cao tăng 0,29%; đồ gia vị tăng 0,2%; sữa, bơ, phô mai tăng 0,1%; đường, mật tăng 0,08%. [↑](#footnote-ref-21)
22. Do nhu cầu ăn uống ngoài gia đình tăng trong mùa cao điểm du lịch hè. Trong đó, giá uống ngoài gia đình tăng 0,26%; ăn ngoài gia đình tăng 0,25%; đồ ăn nhanh mang đi giảm 0,1%. [↑](#footnote-ref-22)
23. Do giá một số mặt hàng lương thực tăng như giá ngô tăng 0,96%; khoai tăng 0,95%; ngũ cốc ăn liền và bột mì cùng tăng 0,32%; bánh mì tăng 0,24%; miến tăng 0,23%; bột ngô tăng 0,15%; bún, bánh phở, bánh đa tăng 0,05%. Ở chiều ngược lại, giá gạo trong nước giảm theo giá gạo xuất khẩu khi nguồn cung toàn cầu dồi dào, theo đó chỉ số giá nhóm gạo giảm 0,1% (Gạo tẻ thường giảm 0,17%; gạo tẻ ngon tăng 0,06%; gạo nếp tăng 0,41%). [↑](#footnote-ref-23)
24. CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục. [↑](#footnote-ref-24)
25. Đã bổ sung thêm sản lượng vận tải hành khách bằng đường sắt trên cao tại Hà Nội và Metro tại Thành phố Hồ Chí Minh. [↑](#footnote-ref-25)
26. Vận chuyển hành khách bằng đường biển tám tháng năm 2025 giảm so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do thời tiết không thuận lợi nên lượng khách đi biển giảm, nhiều tuyến tàu phải tạm dừng hoặc giảm tần suất hoạt động. [↑](#footnote-ref-26)
27. Theo báo cáo của Cục cửa khẩu, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng, Bộ Quốc phòng và Cục Xuất nhập cảnh,   
    Bộ Công an. [↑](#footnote-ref-27)
28. Kỳ báo cáo từ ngày 26/7/2025-25/8/2025. [↑](#footnote-ref-28)
29. Một hộ dân cư có thể lựa chọn nhiều nguyên nhân làm giảm thu nhập. [↑](#footnote-ref-29)
30. Ngày 15/8/2025, Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch tổ chức Lễ khai mạc chuỗi hoạt động gồm 6 sự kiện: Triển lãm “Việt Nam - Hồ Chí Minh - Những mốc son lịch sử dân tộc”; trưng bày chuyên đề “Hành trình vì hòa bình”; triển lãm “Viết tiếp câu chuyện hòa bình”; ra mắt các cuốn sách “Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Nguyễn Chí Thanh”, “Phủ toàn quyền Đông Dương xưa và Phủ Chủ tịch ngày nay”; “Mưa đỏ” - bộ phim điện ảnh về đề tài chiến tranh cách mạng do Điện ảnh Quân đội nhân dân sản xuất đã tái hiện ký ức hào hùng về 81 ngày đêm bảo vệ Thành cổ Quảng Trị. Ngày 19/8/2025, trên cả nước diễn ra đồng loạt lễ khởi công, khánh thành 250 công trình, dự án tại 80 điểm cầu trên cả nước. Ngày 28/8/2025, tại Trung tâm Triển lãm Việt Nam tổ chức lễ khai mạc Triển lãm thành tựu đất nước “80 năm hành trình Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” diễn ra từ ngày 28/8-05/9/2025. [↑](#footnote-ref-30)
31. Theo báo cáo nhanh từ Văn phòng Bộ Công an và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (Bộ Xây dựng) ngày 28/8/2025. [↑](#footnote-ref-31)
32. Tổng hợp Báo cáo từ 34 Sở Nông nghiệp và Môi trường, kỳ báo cáo từ ngày 19/7 - 18/8/2025. [↑](#footnote-ref-32)
33. Theo báo cáo từ Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được các   
    Thống kê tỉnh, thành phố tổng hợp. [↑](#footnote-ref-33)
34. Có 4 địa phương không phát hiện vi phạm môi trường: Gia Lai, Khánh Hòa, Lâm Đồng và Tây Ninh. [↑](#footnote-ref-34)
35. Theo báo cáo nhanh từ Bộ Công an ngày 23/8/2025. [↑](#footnote-ref-35)